

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 6 - 2019

“*V/v Tranh chấp Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Huân và ông Phan Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn 6, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn 6, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H; trú tại: thôn 6, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bà Trần Thị L; trú tại: thôn 5, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bà Trần Thị C; trú tại: thôn 5, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chị Nguyễn Thị Hương Th; Trú tại: thôn Cây Th, xã Cảnh H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn 6, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chị Trần Thị H; trú tại: thôn 6, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chị Nguyễn Thị H; trú tại: thôn 5, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: anh và chị Nguyễn Thị L có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/5/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu tính nhau, cuộc sống không có tình cảm, nên thường xuyên xảy ra những cuộc cãi vã và có những lời nói xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Hiện tại anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, tình cảm không còn. Vì vậy anh cương quyết được ly hôn với chị L.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 đứa con chung: Nguyễn Thị Lệ Nh, sinh ngày 18/9/2002; Nguyễn Nhật L, sinh ngày 24/02/2008 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 21/8/2011. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật L và giao hai con chung Nguyễn Thị Lệ Nh và Nguyễn Khánh Th cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất tại thôn 6, xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, giấy chứng nhận mang tên vợ chồng, nguồn gốc do bố mẹ anh cho, tuy nhiên thời điểm cho chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào khoảng năm 2013, 2014 được sự nhất trí của mẹ anh là bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng về làm nhà ở trên đất của bà, nên vợ chồng có bán một phần diện tích đất để lấy tiền xây nhà trên đất của bà H. Nên anh thừa nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng và ngôi nhà xây trên đất của bà Nguyễn Thị H là tài sản chung của vợ chồng. Quá trình hòa giải anh có ý kiến tất cả tài sản đều là của bố mẹ anh cho nên nay vợ chồng ly hôn thì trả lại ngôi nhà cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị H, còn thửa đất anh có nguyện vọng sử dụng và giao lại cho chị Liên số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh vẫn thống nhất về khối tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà xây trên đất của mẹ anh là bà Nguyễn Thị H và 01 thửa đất tại thôn 6, xã Quảng Th, tuy nhiên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: vợ chồng có nợ số tiền 47.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh có ý kiến để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: nhất trí với ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn L về quá trình kết hôn và những mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống vợ chồng. Chị cũng cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, tình cảm không còn, nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn L; Về con chung và nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chị cũng đồng ý như ý kiến của anh L;

Về tài sản và nợ chung: Chị hoàn toàn thống nhất như ý kiến của anh L trình bày về khối tài sản cũng như khoản nợ chung của vợ chồng. Quá trình hòa giải chị yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản để phân chia cho vợ chồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Ý kiến trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại biên xác minh ngày 21/3/2019 bà Nguyễn Thị H trình bày: trước khi con trai bà là Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau, thì trước đó bà có khai hoang một thửa đất tại thôn 6, xã Quảng Th, nhưng chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kết hôn được một năm, thì bà cho vợ chồng L, L ra ở tại thửa đất đó với điều kiện phải chăm sóc bà. Một thời gian thì được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng, đến năm 2014 vợ chồng L, L lại về sống chung với bà, nhưng ăn riêng, bà cũng đã bán một phần diện tích thửa đất cho hai gia đình khác sử dụng. Nay vợ chồng ly hôn bà có nguyện vọng lấy lại thửa đất trên. Đối với ngôi nhà xây trên đất của bà mà vợ chồng L, L và bà đang ở là do bà vay mượn tiền để làm. Quá trình làm nhà do một mình bà tự mua vật liệu, thuê thợ không liên quan đến vợ chồng L, L, nên đó là tài sản của bà.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019 chị Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2014, vợ chồng anh L và chị L có mượn của chị 2,5 chỉ vàng (9999), mục đích để làm nhà, việc vay mượn không có giấy tờ. Nay chị yêu cầu nếu anh L và chị L ly hôn, ai là người sử dụng ngôi nhà thì phải có trách nhiệm trả số vàng trên cho chị.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019 chị Nguyễn Thị Hương Th trình bày: Tháng 8/2014 vợ chồng anh L và chị L có mượn của chị 02 tấn xi măng (trị giá thành tiền 3.000.000 đồng), mục đích để làm nhà, việc vay mượn không có giấy tờ. Nay chị yêu cầu anh L và chị L phải có trách nhiệm trả nợ cho chị bằng tiền là 3.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2019, bà Trần Thị H trình bày: Năm 2014 vợ chồng anh L, chị L có vay của bà số tiền 7.000.000 đồng để làm nhà, việc vay mượn không có giấy tờ. Nay bà yêu cầu anh L, chị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2019, bà Trần Thị L trình bày: Năm 2014 vợ chồng anh L, chị L có vay của bà số tiền 11.000.000 đồng để làm nhà, việc vay mượn không có giấy tờ. Nay bà yêu cầu anh L, chị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2019, bà Trần Thị C trình bày: Năm 2014 vợ chồng anh L, chị L có vay của bà số tiền 16.000.000 đồng để làm nhà, việc vay mượn không có giấy tờ. Nay bà yêu cầu anh L, chị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị L tự nguyện thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55; 58, 59; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L, đây là tranh chấp về ly hôn. Chị L có hộ khẩu thường trú tại xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Th, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/5/2002, vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống anh L và chị L đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên vợ chồng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét việc thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L.

Quan hệ con chung: Xét sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Nguyễn Nhật L, sinh ngày 24/02/2008 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao hai con Nguyễn Thị Lệ Nh, sinh ngày 18/9/2002 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 21/8/2011 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Quan hệ tài sản và nợ chung: xét tại phiên tòa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L thông nhất không yêu cầu tòa án giải quyết về vấn đề tài sản và nợ chung của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận đó không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147, 227, 228, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị H; bà Trần Thị L; bà Trần Thị C; chị Nguyễn Thị Hương Th; chị Trần Thị H và chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L.

3. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Nguyễn Nhật L, sinh ngày 24/02/2008 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao hai con Nguyễn Thị Lệ Nh, sinh ngày 18/9/2002 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 21/8/2011 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001179 ngày 07/01/2019.

Án phí dân sự: Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Th;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Tình